

## BÀN VỀ KHÁI NIỆM “NHÀ ĐẦU TƯ” TRONG LUẬT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Lan Nguyên

*Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội*

Chủ thể của quan hệ pháp luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam gồm các nhà đầu tư nước ngoài tham gia quan hệ Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, các nhà đầu tư Việt Nam tham gia quan hệ Đầu tư nước ngoài tại nước ta, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp khu công nghiệp có vốn Đầu tư nước ngoài, công ty BOT được thành lập theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và một số chủ thể khác tham gia trực tiếp vào quan hệ Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Các nhà Đầu tư nước ngoài, theo quy định của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996 là những tổ chức kinh tế nước ngoài hoặc cá nhân nước ngoài trực tiếp đưa vốn, công nghệ và các tài sản khác được Chính phủ Việt Nam chấp thuận vào Việt Nam để hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc để thành lập doanh nghiệp có vốn Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo những quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhà nước Việt Nam hoan nghênh và khuyến khích các nhà Đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam theo những điều kiện và thủ tục được quy định trong pháp luật Việt Nam hoặc trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

Tổ chức kinh tế nước ngoài là tổ chức kinh tế được thành lập theo một trình tự pháp luật nhất định và đáp ứng các điều kiện của "Luật quốc tịch" (lex societatis) của tổ chức kinh tế đó. Việc xác định "quốc tịch" của tổ chức kinh tế ở các nước được tiến hành theo các dấu hiệu, nguyên tắc pháp lý khác nhau được quy định trong pháp luật dân sự - thương mại của các nước, trong đó đáng chú ý nhất là nơi tổ chức kinh tế đăng ký điều lệ, nơi đăng ký hoạt động kinh doanh chính, nơi đặt trụ sở hoặc cơ quan điều hành chính của tổ chức kinh tế liên quan ... Qua nghiên cứu và phân tích những quy định khác nhau trong pháp luật dân sự thương mại của các nước, các điều ước quốc tế và các quy định của pháp luật Việt Nam, đặc biệt là các quy định của Bộ luật dân sự Việt Nam năm 1995 cho thấy: có thể có tổ chức kinh tế nước ngoài không có tư cách pháp nhân theo pháp luật của nước mà nó mang quốc tịch (chẳng hạn, các công ty đối nhân) nhưng lại có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam (chẳng hạn, theo quy định tại điều 94 và điều 113 Bộ luật dân sự). Pháp luật, thực tiễn các nước thường giải quyết vấn đề đó theo quy tắc Lex societatis. Tuy vậy, Điều 832 Bộ luật dân sự Việt Nam lại quy định các giao dịch liên quan về việc này, đặc biệt các giao dịch dân sự được xác lập, thực hiện tại Việt Nam thì phải tuân theo pháp luật Việt Nam.

Các cá nhân nước ngoài, dưới góc độ là nhà Đầu tư nước ngoài, theo quy định của Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998 có thể hiểu là người không có quốc tịch Việt Nam, họ có thể có quốc tịch của một, hai hay nhiều nước khác, hoặc không có quốc tịch nước nào (hoặc quốc tịch chưa được xác định rõ ràng). Tuy nhiên chỉ có những cá nhân nước ngoài trực tiếp đưa vốn vào Việt Nam bằng tiền nước ngoài hoặc bất kỳ tài sản nào được Chính phủ Việt Nam chấp nhận để hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc để thành lập doanh nghiệp liên doanh với doanh nghiệp Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế hoặc để thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài theo quy định của Luật đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam mới được công nhận là nhà Đầu tư nước ngoài.

Cá nhân nước ngoài định cư tại Việt Nam có thể là nhà Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (chẳng hạn nhà Đầu tư nước ngoài tại khu chế xuất) nếu họ bảo đảm các điều kiện quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Trong khi đó họ cũng có thể là "chủ đầu tư" theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước năm 1994, nếu đáp ứng các điều kiện do Luật đó quy định.

Ngoài ra, đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, họ cũng có thể trở thành "nhà Đầu tư nước ngoài", nếu đáp ứng được các điều kiện của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Những người Việt Nam đó khi đầu tư trực tiếp về nước có quyền lựa chọn Quy chế nhà Đầu tư nước ngoài theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hoặc Quy chế "chủ đầu tư" theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước, nhưng mỗi dự án chỉ được áp dụng một trong hai Quy chế cụ thể đó (Nghị định số 29/CP ngày 12 tháng 5 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích Đầu tư trong nước điều 2,3,4,5)

Các nhà đầu tư Việt Nam, theo quy định của Pháp luật về Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, chủ yếu là công dân, doanh nghiệp Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế.

Các nhà đầu tư Việt Nam tham gia quan hệ pháp luật Đầu tư nước ngoài bằng cách ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh với các nhà Đầu tư nước ngoài theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

Khi tham gia quan hệ Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, các nhà đầu tư Việt Nam, tuy được thành lập theo các Luật khác nhau, đều có Quy chế nhân thân là Pháp luật Việt Nam, "quốc tịch" Việt Nam (Lex Societatis Việt Nam).

Do lẽ các nhà đầu tư Việt Nam là các doanh nghiệp có Lex Societatis Việt Nam, nên các giao dịch dân sự-thương mại với các nhà Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải tuân theo Pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế giữa Việt Nam và nước ngoài hữu quan có quy định một nguyên tắc khác. Bên cạnh các doanh nghiệp nhà nước công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã tham gia quan hệ pháp luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam với tính cách là nhà đầu tư Việt Nam, phả

tính đến các doanh nghiệp 100% vốn đầu tư của Việt Nam được thành lập trong khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao có vốn Đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Tuy các doanh nghiệp này là doanh nghiệp Việt Nam, có "quốc tịch" Việt Nam nhưng là loại *doanh nghiệp Sui generis*, với một quy chế đặc thù dành cho khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao đó. Các giao dịch dân sự- thương mại của các doanh nghiệp này với các doanh nghiệp Việt Nam nằm ngoài khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao nói trên được điều chỉnh theo Quy chế đặc biệt, tương tự như các quy chế áp dụng cho các giao dịch dân sự-thương mại có yếu tố nước ngoài, và quan hệ trao đổi hàng hoá ở đây giữa các doanh nghiệp trong-ngoài khu chế xuất, được coi là quan hệ xuất nhập khẩu và tuân theo pháp luật về xuất nhập khẩu (xem điều 18 Luật ĐTNN tại Việt Nam 1996) .

Người Việt Nam định cư ở nước ngoài cũng có thể trở thành "nhà đầu tư Việt Nam", có quyền và nghĩa vụ nhất định khi tham gia quan hệ pháp luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Với tư cách là nhà đầu tư Việt Nam, khi đầu tư về nước, họ phải chung vốn với tổ chức kinh tế Việt Nam ở trong nước thành "nhà đầu tư Việt Nam" theo đúng nghĩa đầy đủ của nó, thành "Bên Việt Nam" để hợp tác đầu tư với bên hoặc các bên nước ngoài.

Trong trường hợp này, người Việt Nam định cư ở nước ngoài chỉ được xem xét công nhận là nhà đầu tư Việt Nam theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam khi cùng với các doanh nghiệp Việt Nam hoặc các bệnh viện, trường học, viện nghiên cứu trong lĩnh vực công nghệ, khoa học kỹ thuật, khoa học tự nhiên hợp thành Bên Việt Nam tham gia quan hệ pháp luật Đầu tư nước ngoài (xem điều 65 Luật ĐTNN tại Việt Nam 1996) .

"Nhà đầu tư Việt Nam" có thể là cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền được Chính phủ chỉ định, ký kết và thực hiện hợp đồng BOT, BTO, BT theo quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Đây là trường hợp "Nhà đầu tư Việt Nam đặc biệt" tham gia hợp tác đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam với những quyền hạn và trách nhiệm riêng biệt. Xét về mặt lý luận pháp luật, các cơ quan quản lý nhà nước nói trên tham gia hợp tác đầu tư với các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam với tư cách là các chủ thể đặc biệt của quan hệ pháp luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Nói rộng ra, Nhà nước Việt Nam, trong trường hợp đặc biệt này tham gia quan hệ pháp luật Đầu tư nước ngoài của Việt Nam với tư cách là chủ thể có chủ quyền, một chủ thể đặc biệt thông qua các cơ quan hành pháp của mình. Trường hợp này khá phổ biến trong lý luận và thực tiễn pháp luật của các nước về hợp tác xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo hợp đồng BOT và các loại hợp đồng tương tự.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Luật Đầu tư nước ngoài năm 2000.

*Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996.*

*Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998.*

*Luật khuyến khích đầu tư trong nước năm 1994.*

*Nghị định số 29/CP ngày 12 tháng 5 năm 1995 hướng dẫn thi hành Lhi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước.*

*Nghị định 12/CP ngày 18 tháng 2 năm 1997 của Chính phủ quy định chi t/ định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.*

JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., t.XVII, N<sup>o</sup>1, 2001

DISCUSSING ON "INVESTOR" CONCEPT IN VIETNAM M  
FOREIGN INVESTMENT LAW

**Nguyen Lan Nguyen**

*Faculty of Law- Vietnam National University, Hanoi*

The "Investor" concept is one concept very important. The Vietnam Foreign Investment Law guarantees the ownership of invested capital and other rights of foreign organization and individuals. We must build the infrastructure solidly for foreign Investor to come confidence. Now, they are afraid of being confiscated and nationalized. The Foreign Investment Law has pointed out that we respect private enterprises and private ownership. The Vietnam Foreign Investment Law makes it clear that the Vietnamese government will, under no circumstances, nationalize capital or assets of Foreign organizations.

In order to cope with enormous changes in economy, it is necessary to open theoretic fundamental for Vietnam Foreign Investment Law, that is now for further development and correction.